

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 07 năm 2020

## GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG CÔNG TY MẸ QUÝ III NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2019-2020

**Kính gửi : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen trân trọng báo cáo và giải trình kết quả kinh doanh riêng Công ty mẹ Quý III NĐTC 2019-2020 như sau:

### 1. Giải trình kết quả kinh doanh riêng Công ty mẹ Quý III NĐTC 2019-2020:

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Quý III NĐTC 2019-2020 (từ 01/10/2020 đến 30/10/2020)	Quý III NĐTC 2018-2019 (từ 01/04/2019 đến 30/6/2019)	Chênh lệch	
				Tuyệt đối	Tương đối
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)=(5)/(4)
1	Doanh thu thuần	10.586.687.310.292	12.483.147.793.966	(1.896.460.483.674)	-15%
2	Giá vốn hàng bán	9.906.692.119.116	11.766.933.527.593	(1.860.241.408.477)	-16%
3	Lợi nhuận gộp	679.995.191.176	716.214.266.373	(36.219.075.197)	-5%
4	Doanh thu tài chính	27.885.767.822	17.409.202.281	10.476.565.541	60%
5	Chi phí tài chính	77.600.148.866	98.394.224.950	(20.794.076.084)	-21%
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>69.082.458.879</i>	<i>90.600.201.362</i>	<i>(21.517.742.483)</i>	<i>-24%</i>
6	Chi phí bán hàng	394.597.172.084	398.290.047.352	(3.692.875.268)	-1%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	59.208.268.048	65.458.491.473	(6.250.223.425)	-10%
8	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	176.475.370.000	171.480.704.879	4.994.665.121	3%
9	Thu nhập khác	6.595.700.259	2.809.308.421	3.786.391.838	135%
10	Chi phí khác	23.486.146	6.860.938	16.625.208	242%
11	Lợi nhuận khác	6.572.214.113	2.802.447.483	3.769.766.630	135%
12	Lợi nhuận trước thuế	183.047.584.113	174.283.152.362	8.764.431.751	5%
13	Thuế TNDN hiện hành	44.366.558.582	42.426.350.830	1.940.207.752	5%
14	Thuế TNDN hoãn lại	(11.264.174.177)	2.258.769.850	(13.522.944.027)	-
15	Lợi nhuận sau thuế	149.945.199.708	129.598.031.682	20.347.168.026	16%

Trong Quý III NĐTC 2019-2020, lợi nhuận sau thuế riêng Công ty mẹ đạt 149,9 tỷ đồng, tăng 20 tỷ đồng so với cùng kỳ NĐTC 2018-2019. Nguyên nhân chủ yếu là: so với cùng kỳ, chi phí giảm mạnh trong đó chi phí tài chính giảm 20,8 tỷ đồng (tương đương 21%) và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 6,25 tỷ đồng (tương đương 10%)

## 2. Giải trình kết quả kinh doanh Công ty mẹ lũy kế 9 tháng đầu NĐTC 2019-2020:

STT	CHỈ TIÊU	Lũy kế 9 tháng đầu NĐTC 2019-2020 (từ 01/01/2020 đến 30/6/2020)	Lũy kế 9 tháng đầu NĐTC 2018-2019 (từ 01/01/2019 đến 30/6/2019)	Chênh lệch	
				Tuyệt đối	Tương đối
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)=(5)/(4)
1	Doanh thu thuần	31.585.372.121.116	35.269.629.195.024	(3.684.257.073.908)	-10%
2	Giá vốn hàng bán	29.529.344.486.826	33.538.493.752.598	(4.009.149.265.772)	-12%
3	Lợi nhuận gộp	2.056.027.634.290	1.731.135.442.426	324.892.191.864	19%
4	Doanh thu tài chính	61.827.633.167	47.918.506.800	13.909.126.367	29%
5	Chi phí tài chính	316.622.966.086	330.884.262.634	(14.261.296.548)	-4%
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>224.751.569.945</i>	<i>304.616.847.712</i>	<i>(79.865.277.767)</i>	<i>-26%</i>
6	Chi phí bán hàng	1.195.480.443.966	1.119.151.214.927	76.329.229.039	7%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	222.421.393.235	209.414.073.153	13.007.320.082	6%
8	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	383.330.464.170	119.604.398.512	263.726.065.658	220%
9	Thu nhập khác	18.441.595.452	242.788.053.116	(224.346.457.664)	-92%
10	Chi phí khác	6.101.402.232	3.304.613.319	2.796.788.913	85%
11	Lợi nhuận khác	12.340.193.220	239.483.439.797	(227.143.246.577)	-95%
12	Lợi nhuận trước thuế	395.670.657.390	359.087.838.309	36.582.819.081	10%
13	Thuế TNDN hiện hành	110.314.315.172	86.957.277.517	23.357.037.655	27%
14	Thuế TNDN hoãn lại	(23.972.636.486)	(923.516.927)	(23.049.119.559)	-
15	Lợi nhuận sau thuế	309.328.978.704	273.054.077.719	36.274.900.985	13%

Trong 9 tháng đầu NĐTC 2019-2020, lợi nhuận sau thuế riêng Công ty mẹ đạt 309 tỷ đồng, tăng 36 tỷ đồng so với cùng kỳ NĐTC 2018-2019. Nguyên nhân chủ yếu là: so với cùng kỳ, lợi nhuận gộp tăng 13,9 tỷ đồng (tương đương 19%);

Trân trọng cảm ơn và kính chào./.



**TRẦN QUỐC TRÍ**

Nơi nhận:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- Lưu văn thư